

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG THỜI ĐẠI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG THỜI ĐẠI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIMES ARCHITECTURE AND CONSTRUCTION CONSULTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TIMES ARCHITECTURE

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109181763

**3. Ngày thành lập:** 14/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa 106F2 – Bản đồ 44 - Tổ 12 Mậu Lương , Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                     | 7110(Chính) |
| 2.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                          | 7120        |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 7.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 9.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 10. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 12. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                          | 7410        |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Loại trừ bán buôn dược phẩm)                                                                                                     | 4649        |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng kinh doanh của công ty                       | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HỒ THANH TUÂN       | Tổ 10, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam             | 3.000.000.000         | 50,000    | 091101965                                                                                                                                         |         |
| 2   | PHẠM QUỐC TOÀN      | Thôn Cái Tắt, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam              | 2.400.000.000         | 40,000    | 031089003394                                                                                                                                      |         |
| 3   | HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC | Thôn Cái Tắt, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam              | 600.000.000           | 10,000    | 031190003381                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HỒ THANH TUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/10/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 091101965

Ngày cấp: 03/10/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Toà nhà Hemisco, KĐT Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội